

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự  
mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Viết Thanh.

Ông Trần Văn Hải.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng và bà Nguyễn Thị Mộng Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 83/2021/QĐST-DS, ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:**

1. Cao Văn L (Lộc E), sinh năm 1971;

2. Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Nhà không số, ấp 1, xã Phương Tr, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**Bị đơn:**

1. Nguyễn Thành L, sinh năm 1985;

2. Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1982;

HKTT: Tổ 15, ấp Đông B, xã Hòa A, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Cùng địa chỉ liên hệ: Nhà trọ ông Sáu Đ, tổ 2, khóm Mỹ Th, Phường Mỹ Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn anh Cao Văn L và chị Nguyễn Thị Thu Th, bị đơn anh Nguyễn Thành L có mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị Bích H vắng mặt không có lý do).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2020, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Cao Văn L (Lộc E) và chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:**

Khoảng tháng 05/2020, vợ chồng anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Bích H thỏa thuận miệng mua cá rô giống của anh L và chị Th nhiều lần. Mỗi lần mua số lượng từ 700kg đến 800kg, với giá bán là 25.000 đồng/kg.

Lúc đầu, mỗi lần cân cá thì trả tiền gỏi đầu. Sau đó, anh L và chị H kêu anh L và chị Th kéo cá lên rồi đến cân, khi cân cá xong thì không có trả tiền mà xin nợ lại. Do không bán được cá giống nên anh L và chị Th phải bán thiếu cho anh L và chị H. Vợ chồng anh L và chị H hứa cân xong hàm cá sẽ trả đủ tiền một lần. Nhưng anh L và chị H đã không thực hiện đúng như lời hứa.

Đến ngày 24/6/2020, anh L và chị H làm cam kết xác nhận còn nợ anh L và chị Th số tiền 264.000.000 đồng. Anh L và chị H cam kết thanh toán số tiền 10.000.000 đồng/ngày kể từ ngày 25/6/2020 cho đến khi trả hết nợ. Đồng thời, anh L và chị H cam kết nếu không trả nợ đúng hạn, anh L và chị H chịu phạt với lãi suất 4,5%/tháng đối với số dư nợ thực tế từ ngày 24/6/2020.

Ngày 25/6/2020, anh L và chị H tiếp tục cân cá thêm lần cuối cùng số lượng 420kg, với giá bán là 25.000 đồng/kg. Tổng thành tiền là 10.500.000 đồng nhưng anh L và chị Th giảm bớt chỉ tính 10.000.000 đồng.

Tổng cộng anh L và chị H nợ anh L và chị Th số tiền 274.000.000 đồng.

Sau khi cam kết, anh L và chị H trả nợ cho anh L và chị Th được tổng số tiền 82.000.000 đồng. Từ ngày 20/7/2020 đến nay, anh L và chị H không trả tiền nợ còn lại cho anh L và chị Th.

Hiện anh L và chị H còn nợ anh L và chị Th số tiền 192.000.000 đồng.

Nay anh L và chị Th yêu cầu buộc anh L và chị H liên đới trả cho anh L và chị Th số tiền còn nợ gốc là 192.000.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 20/7/2020 đến ngày 11/5/2021, lãi suất 1.66% là 9 tháng 21 ngày số tiền là 30.915.840 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 222.915.840 đồng.

***Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thành L trình bày:***

Khoảng tháng 05/2020, anh Nguyễn Thành L mua cá rô giống của anh L và chị Th, không nhớ mua bao nhiêu, chị H cũng biết việc mua bán cá rô giống của anh L và chị Th.

Đến ngày 24/6/2020, anh L và chị H có ký tên vào tờ cam kết trả nợ với số tiền còn nợ là 264.000.000 đồng và cam kết trả nợ 10.000.000 đồng/ngày, kể từ

ngày 25/6/2020 cho đến khi hết số tiền nợ. Nhưng từ khi anh L và chị H ký cam kết thì anh L và chị H trả được số tiền 82.000.000 đồng. Từ ngày 20/7/2020 đến nay, anh L và chị H vẫn chưa trả tiền nợ còn lại cho anh L và chị Th. Anh L thừa nhận còn nợ của anh L và chị Th số tiền gốc là 192.000.000 đồng.

Nay anh L đồng ý liên đới cùng với chị H trả cho anh L và chị Th số tiền gốc 192.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi anh L không đồng ý trả vì còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh L đồng ý trả ½ tiền lãi theo yêu cầu của anh L và chị Th.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021 bị đơn Nguyễn Thị Bích H khai:**

Chị H không biết anh L mua cá của anh L và chị Th nhưng đến sau này chị Th và anh L có đến nhà chị H nói anh L có nợ tiền cá nên yêu cầu chị H ký tên vào tờ cam kết trả nợ ngày 24/6/2020. Chị H bán cá tại chợ đầu mối nên việc đi mua bán cá anh L là người trực tiếp đi mua bán cá. Trước khi anh L đi mua cá chị H đều đưa tiền cho anh L trả tiền cá. Nay, chị H không đồng ý liên đới cùng với anh L trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của anh L và chị Th.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, xác định đúng quan hệ pháp luật và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh L và chị Th, buộc anh L và chị H liên đới trả số tiền gốc 192.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/7/2020 đến ngày 11/5/2021, lãi suất là 1,66%.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của anh L và chị Th và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Bích H có địa chỉ tại tổ 02, khóm Mỹ Th, Phường Mỹ Ph, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thị Bích H vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị H nhưng chị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị Bích H là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Anh L và chị Th yêu cầu anh L và chị H liên đới trả tiền gốc 192.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/7/2020 đến ngày 11/5/2021 là 9 tháng 21 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, số tiền là 30.915.840 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 222.915.840 đồng.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh L thừa nhận vào khoảng tháng 5/2020, có mua cá rô giống của anh L và chị Th với tổng số tiền là 274.000.000 đồng nhưng vẫn chưa trả tiền cho anh L và chị Th. Đến ngày 24/6/2020, anh L và chị H có ký vào tờ cam kết trả nợ còn nợ lại số tiền 264.000.000 đồng và cam kết trả số tiền 10.000.000 đồng/ngày từ ngày 25/6/2020 cho đến khi trả hết số tiền còn nợ, nếu không thực hiện đúng sẽ tự nguyện chịu phạt 4,5%/tháng đối với số dư nợ thực tế từ ngày 24/6/2020. Nhưng từ khi ký cam kết trả nợ, anh L thừa nhận chỉ trả được số tiền 82.000.000 đồng. Từ ngày 20/7/2020 đến nay, anh L và chị H không thực hiện theo như cam kết và hiện nay anh L thừa nhận còn nợ số tiền 192.000.000 đồng.

Đồng thời, theo biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021, chị H thừa nhận có ký tên vào tờ cam kết ngày 24/6/2020, tức là chị H đã biết việc anh L và chị H có nợ tiền của anh L và chị Th nên chị H đồng ý ký tên vào vào tờ cam kết ngày 24/6/2020. Mặt khác, chị H thừa nhận số tiền mua bán cá là để sử dụng chung trong gia đình là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 và điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ theo Điều 440 Bộ luật dân sự 2015, anh L và chị Th yêu cầu anh L và chị H liên đới trả số tiền gốc là 192.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Anh L và chị Th yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20/7/2020 đến ngày 11/5/2021 là 9 tháng 21 ngày, lãi suất 1,66%/tháng, số tiền là 30.915.840 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị H đã không thực hiện đúng theo như thỏa thuận của các bên nên việc anh L và chị Th yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận yêu cầu của anh L và chị Th.

[4] Về ý kiến của bị đơn Nguyễn Thị Bích H: Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/3/2021, chị H thừa nhận có ký tên vào tờ cam kết trả nợ ngày 24/6/2020 và chị H thừa nhận có biết việc anh L đi mua cá về để cho chị H bán và số tiền bán cá có sử dụng chung trong gia đình. Tuy nhiên, chị H không đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu của anh L và chị Th là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh L và chị Th được chấp nhận nên anh L và chị H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:  $222.915.840 \text{ đồng} \times 5\% = 11.145.792 \text{ đồng}$ . Anh L và chị Th không phải chịu án phí.

[8] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh L và chị Th là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 357, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật HNGĐ.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn L (Lộc E) và chị Nguyễn Thị Thu Th yêu cầu anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Bích H liên đới trả số tiền gốc và lãi 222.915.840 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

2. Buộc anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Bích H liên đới trả cho anh Cao Văn L (Lộc E) và chị Nguyễn Thị Thu Th số tiền gốc và lãi 222.915.840 đồng (hai trăm hai mươi hai triệu chín trăm mười lăm nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Thành L và chị Nguyễn Thị Bích H phải liên đới chịu án phí số tiền là 11.145.792 đồng (mười một triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng).

Hoàn trả cho anh Cao Văn L (Lộc E) và chị Nguyễn Thị Thu Th số tiền 5.779.000 đồng (năm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007576 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- Chi cục THADS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Lê Thị Huế**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đình Đoan Hùng – Bùi Thị Hoàng**

**Huỳnh Thị Thơm**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Thị Thơm**

---

***“Đề thi hành”***



*TP. Cao Lãnh, ngày 00 tháng 00 năm 2017*  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- THADS TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Thị Thơm**

***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh;
- VKSNDTPCL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Thị Thơm**